

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **197/2026/DS-PT**

Ngày: 16/4/2026

V/v: “*Tranh chấp về quản lý sử dụng đất có mặt nước và di dời tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Bích Vân

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Kim Hương

Ông Võ Minh Triều

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Ông Trịnh Văn Đ - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 106/2025/TLPT-DS ngày 27 tháng 02 năm 2026, về: “*Tranh chấp về quản lý sử dụng đất có mặt nước và di dời tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 296/2025/DS-ST ngày 16/12/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 4, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 174/2026/QĐPT-DS ngày 25 tháng 03 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Y (tên gọi khác S), sinh năm 1962. Có mặt.

Địa chỉ: Ấp V, xã S, tỉnh An Giang.

- Người đại diện theo uỷ quyền của ông Y là: Ông Nasia S1, sinh năm 1972. (Theo Giấy uỷ quyền ngày 30/3/2026). Có mặt.

Địa chỉ: Tổ A, ấp C, xã C, tỉnh An Giang.

Địa chỉ liên hệ: Tổ F, ấp L, xã H, tỉnh An Giang.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Dương Minh B - Công tác viên Trung tâm T2 tỉnh An Giang. Có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Tấn T (tên gọi khác Chín N), sinh năm 1945. Có mặt.

2.2. Anh Nguyễn Quốc T1, sinh năm 1986. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ D, ấp V, xã S, tỉnh An Giang.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Luật sư Trần Hoàng H - Văn phòng L1, đoàn luật sư tỉnh A. Có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Tấn T:* Anh Trần K - Trợ giúp viên, Trung tâm T2 tỉnh An Giang. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân xã S.

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Đỗ Tiến D - Chủ tịch UBND xã S.
Có đơn yêu cầu vắng mặt.

Địa chỉ trụ sở: Ấp T, xã S, tỉnh An Giang.

3.2. Anh Nguyễn Tấn K1, sinh năm 1978. Có mặt.

3.3. Chị Ngô Thị Mỹ L, sinh năm 1982. Có đơn yêu cầu vắng mặt.

Cùng địa chỉ hiện nay: tổ D, ấp V, xã S, tỉnh An Giang.

4. Người làm chứng: Ông Đào Xuân Đ1, sinh năm 1952. Có mặt.

Địa chỉ: A, tổ B, ấp V, xã S, tỉnh An Giang.

5. Người kháng cáo: Ông Y - là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo nguyên đơn ông Y và người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Gia đình ông Y là dân tộc Chăm, quê quán tại T - An Giang. Do hoàn cảnh gia đình nghèo, nên vào khoảng năm 1983 gia đình Y tìm về khu vực ấp V, xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang (Nay là ấp V, xã S, tỉnh An Giang) sinh sống bằng nghề cá và neo đậu ghe tại khu vực gần cầu T.

Đến năm 1987, ông Y có hỏi Ban lãnh đạo ấp làm chòi ở tạm, nhưng Ban lãnh đạo ấp không cho phép, vì nói rằng phần đất này thuộc Nhà nước quản lý (hành lang an toàn giao thông đường bộ, đường thủy, hành lang cầu), nên không cho phép cất nhà ở. Nhưng vì gia đình ông Y quá nghèo, quá khó khăn, nên cũng đã dựng đại một cái chòi nhỏ trên phần mặt nước giáp bờ kênh R - H để ở và dần dần hình thành căn nhà sàn ở ổn định.

Đến ngày 19/3/2024, nhà của ông bị cháy, sau khi nhà cháy thì gia đình ông Y gom góp được ít tiền chuẩn bị dựng lại nhà khác tại vị trí nhà cháy, thì anh Nguyễn Quốc T1 ra cạm trụ bê tông tại vị trí nhà cháy của ông Y, anh T1 dự định làm kho chứa đồ, nên xảy ra tranh chấp. Vì anh T1 cho rằng phần đất ông Y cất nhà là do cha anh là ông Nguyễn Tấn T mua lại của cô Ú.

Qua sự việc trên, ông Y cũng đã có đơn yêu cầu Ban lãnh đạo ấp V giải quyết. Vào ngày 20/6/2024, Ban lãnh đạo ấp Vàm Răng mời hai bên đến giải quyết, bên phía cha con ông T vẫn khẳng định phần đất trên là do ông T mua của cô Ú, nhưng ông T không có giấy tờ chứng minh được rằng là đất của ông T mua. Còn về phần ông Y thì ông đồng ý phần đất trên là của Nhà nước, nhưng ông đã cất nhà ở hơn 40 năm nay, khi nào Nhà nước cần sử dụng thì ông sẽ giao

trả lại cho Nhà nước. Nhưng phía cha con ông T không đồng ý và muốn bao chiếm để làm nhà kho, không cho ông Y cất lại nhà ở, nên hòa giải không thành.

Vì vậy, ông Y yêu cầu giải quyết buộc anh Nguyễn Quốc T1 và ông Nguyễn Tấn T phải giao trả lại phần diện tích mặt nước có chiều ngang 3,5m, chiều dài 13,5m theo đo đạc thực tế thể hiện tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Toà án ngày 23/10/2025 và buộc anh T1, ông T phải di dời trụ đá và công trình xây dựng nằm phía trên để trả lại hiện trạng ban đầu cho ông Y cất nhà ở. Khi nào Nhà nước cần sử dụng, thì sẽ giao trả lại cho Nhà nước.

- Bị đơn ông Nguyễn Tấn T, anh Nguyễn Quốc T1 trình bày: Nguồn gốc đất: Ngày 21/12/1980 bà Lê Thị Đ2 ở tổ A, ấp C, xã S, huyện H (nay thuộc xã S) có mua đất của ông Danh M ở tổ C, ấp C, xã S, huyện H (nay tổ 04 ấp V, xã S) diện tích đất trên bờ và thẳng xuống mé sông, ngày 24/12/1980 được Ban lãnh đạo ấp xác nhận, đến ngày 09/8/1981 bà Lê Thị Đ2 có đưa qua xã S (nay xã S) xác nhận lần 2. Cuối năm 1981 bà Đ2 có bán lại cho ông (Nguyễn Tấn T) kèm theo giấy gốc mua bán giữa bà Đ2 và ông M giao cho ông Nguyễn Tấn T đất trên lộ và thẳng xuống đến bên sông gần cầu T bờ kênh R - H, đất mé sông ngang 22m, dài 18m, đất đó dùng để làm bến đậu ghe cào của nhà (hiện tại dưới bến còn bậc thang do gia đình làm).

Đến năm 1995, có một nhóm người Chăm quê quán An Giang sống trên ghe có xin đậu nhờ trên bến của ông T, mục đích lên xuống để mua bán trong đó có ghe gia đình ông Y (Tên thường gọi là S) gồm vợ chồng và 5 con (có hình ảnh chứng minh ghe đậu cặp ghe cào 1995).

Đến năm 1998, ông Y có về quê để thực hiện tháng Ramadan bằng phương tiện khác, ghe vẫn còn đậu trên bến ông T, trong khi đó ghe bị chìm vợ chồng ông Y có xin gia đình dựng nhờ cái chòi nhỏ để bắt bếp sống tạm do hoàn cảnh khó khăn, nên ông T chấp thuận cho ở nhờ.

Đến năm 2004, ông Y có sửa chữa lại cái chòi, ông T có nhắc nhở ông Y và ông Y có nói là thay lại cây mới nếu sau này ông T cần, thì trả lại cho ông T.

Đến năm 2009, gia đình ông T có cho con là Nguyễn Tấn K1 ra ở riêng cất nhà trên phần đất mé sông diện tích nhà ngang 07m, dài 18m phần còn lại vẫn để lại cho ông Y mượn cất nhà tạm bằng tôn diện tích ngang 3,5m, dài khoảng 16m cạnh vách nhà con ông.

Đến năm 2014, ông Y có mua nền nhà ở tổ H ấp V xã S, gia đình nhiều lần yêu cầu ông Y trả lại phần đã mượn, nhưng ông Y nói ông T chưa sử dụng, nên cho ông Y xin ở nhờ thêm vài năm nữa.

Đến ngày 19/03/2024, ông Y làm cháy nhà, nguyên nhân do sử dụng bếp ga mini bất cẩn làm cháy, trong đó đã cháy sang nhà con ông T tên Nguyễn Tấn K1 thiệt hại khoảng 500.000.000 đồng sửa chữa lại hoàn toàn.

Vào lúc 14 giờ, ngày 09/4/2024 Ban lãnh đạo ấp V có mời ông Y và gia đình ông họp theo yêu cầu của gia đình ông tại Trụ sở ấp V, xã S. Trong buổi họp gia đình yêu cầu ông Y trả lại phần đất ông Y mượn. Ông Y thống nhất trả lại phần đất đã mượn và ký vào giấy xác nhận (có giấy xác nhận có ông Phạm

Văn Q, Vương Văn Đ3, Võ Văn M1. Hiện tại ông Đ3 là công ty ở Bình Dương, ông M1 ở G).

Đến ngày 10/4/2024, gia đình ông có mua cọc cắm trên phần đất mặt nước trước đây cho ông Y mượn, để cất nhà làm kho.

Ngày 10/4/2024, ông Y cũng đem cọc cắm phần mặt nước gần dốc cầu T, không còn thuộc phạm vi sử dụng của ông. Chính quyền địa phương biết và không cho phép ông Y cắm cọc và cất nhà tại vị trí gần dốc cầu T.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Y, các ông không đồng ý, yêu cầu Toà án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã S có ý kiến tại Công văn 312/UBND-KT ngày 02/10/2025 như sau:

1. Đối với phần đất nguyên đơn ông Y yêu cầu anh Nguyễn Quốc T1 và ông Nguyễn Tấn T phải giao trả lại với diện tích 72m² có chiều ngang 4m, chiều dài 18m, không thuộc đối tượng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên nhân: Toàn bộ phần diện tích đất tranh chấp nằm trên kênh R - H, căn cứ khoản 2 Điều 215 Luật Đất đai năm 2024 phần diện tích trên thuộc đất kênh (kênh R - H) và theo Luật Đất đai năm 2024 không có quy định trực tiếp cho phép cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho loại đất này.

2. Đối với việc sử dụng loại đất trên, được quy định cụ thể tại khoản 2, khoản 3 Điều 215 Luật Đất đai năm 2024, cụ thể: Căn cứ vào mục đích sử dụng chủ yếu đã xác định, đất có mặt nước chuyên dùng và đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối được quản lý, sử dụng theo quy định sau đây:

- Nhà nước giao cho tổ chức để quản lý kết hợp sử dụng, khai thác đất có mặt nước chuyên dùng vào mục đích phi nông nghiệp hoặc phi nông nghiệp kết hợp với nuôi trồng, khai thác thủy sản;

- Nhà nước cho thuê đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối thu tiền thuê đất hằng năm đối với tổ chức kinh tế, cá nhân, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để nuôi trồng thủy sản hoặc sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp hoặc sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp kết hợp với nuôi trồng thủy sản và phải thực hiện theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước;

- Nhà nước cho thuê đất có mặt nước là hồ thủy điện, thủy lợi để kết hợp sử dụng với mục đích phi nông nghiệp, nuôi trồng, khai thác thủy sản theo thẩm quyền;

- Nhà nước giao, cho thuê đất trong phạm vi bảo vệ và phạm vi phụ cận đập, hồ chứa nước thuộc công trình thủy điện, thủy lợi cho tổ chức, cá nhân để quản lý, kết hợp sử dụng, khai thác đất có mặt nước kết hợp với các mục đích sử dụng đất khác theo quy định của pháp luật có liên quan và phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép theo quy định.

- Việc khai thác, sử dụng đất có mặt nước chuyên dùng và đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối phải bảo đảm không ảnh hưởng đến mục đích sử dụng chủ yếu

đã được xác định; phải tuân theo quy định về kỹ thuật của các ngành, lĩnh vực có liên quan và các quy định về bảo vệ cảnh quan, môi trường; không làm cản trở dòng chảy tự nhiên; không gây cản trở giao thông đường thủy.

3. Diện tích tranh chấp nằm trong phần đất hành lang an toàn giao thông đường bộ (Quốc lộ H), phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi (kênh R - H) và hành lang bảo vệ cầu (Tà Lúa) được quy định tại Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 13/5/2022 của UBND tỉnh K quy định phạm vi vùng phụ cận của công trình thủy lợi và cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Quyết định số 37/2024/QĐ-UBND ngày 09/12/2024 của UBND tỉnh bổ sung điểm d khoản 2 Điều 2 và điểm e khoản 3 Điều 3 của Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND, Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của tỉnh Kiên Giang quy định quản lý và sử dụng phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với các tuyến đường thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kiên Giang.

4. Đối với việc anh Trương C cọc (trụ) bê tông vào phần đất tranh chấp trên, UBND xã đã trao đổi thống nhất với các bên tranh chấp trong buổi hòa giải ngày 20/6/2024, đề nghị các bên giữ nguyên hiện trạng (đã có cọc bê tông do anh Trương C trước đó) đợi kết quả giải quyết của cơ quan chức năng và không được xây dựng công trình trên phần diện tích tranh chấp, tuy nhiên không lập thành biên bản hay xử lý vi phạm hành chính.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Tấn K1 và chị Ngô Thị Mỹ L trình bày:

Phần đất cặp mé sông đang tranh chấp giữa cha (Nguyễn Tấn T) với ông Y có nguồn gốc là của cha mua của bà Lê Thị Đ2 năm 1980, từ đó về sau cha anh chị quản lý, sử dụng. Đến năm 1995 mới cho ông Y đậu ghe ở tạm, sau đó cho cất nhà ở tạm có chiều ngang 3,5m, chiều dài khoảng 14m, đất tọa lạc tại ấp V, xã S, tỉnh An Giang.

Năm 2009, vợ chồng anh được cha cho phần mé sông kế nhà ông Y (hai nhà cách nhau 01m) để cất nhà ở có chiều ngang 7m, chiều dài 18m.

Đến ngày 19/3/2024, ông Y làm cháy nhà, cháy lan sang nhà vợ chồng anh, làm thiệt hại khoảng 500.000.000 đồng. Đến ngày 09/4/2024, Ban lãnh đạo ấp Vàm Răng có mời các bên lên làm việc, thì ông Y có thừa nhận do ông bất cẩn làm cháy nhà ông, rồi cháy lan sang nhà vợ chồng anh và xin được bồi thường cho vợ chồng anh số tiền 150.000.000 đồng.

Đồng thời, ông Y cũng thừa nhận phần đất và mặt nước mé sông ông cất nhà là mượn của cha anh là ông Nguyễn Tấn T, bên cạnh đó ông Y cũng đồng ý trả lại phần đất trên cho cha anh và ký tên vào giấy xác nhận ngày 09/4/2024 trước sự chứng kiến của những người tham gia hòa giải.

Khi sửa chữa lại nhà, vợ chồng anh có cặm thêm bốn cây trụ đá và lót sàn dùng để ít đồ đạc trong gia đình, chiều ngang 1,5m; chiều dài 3m, vị trí nằm trong phần đất và mặt nước tranh chấp.

Đối với việc tranh chấp giữa hai bên trong vụ án, vợ chồng anh không có tranh chấp hay yêu cầu gì. Nếu sau này Tòa tuyên như thế nào, thì vợ chồng anh thực hiện theo Bản án của Tòa và xin vắng mặt trong các buổi hòa giải, xét xử của Tòa án.

*** *Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 296/2025/DS-ST ngày 16/12/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 4, tỉnh An Giang đã xét xử, quyết định:***

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Y về việc buộc ông Nguyễn Tấn T, anh Nguyễn Quốc T1 phải giao trả lại phần diện tích mặt nước chiều ngang 3,5m, dài 13,5m theo đo đạc thực tế thể hiện tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án ngày 23/10/2025 và buộc ông Nguyễn Tấn T, anh Nguyễn Quốc T1 phải di dời trụ đá và công trình xây dựng nằm phía trên để trả lại hiện trạng ban đầu cho ông Y cất nhà ở.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và bảo quyền kháng cáo cho đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 29/12/2025 ông Y có đơn kháng cáo: Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng cho ông được cất lại căn nhà trên phần đất bị cháy ngang 3,75m, dài là 13,5m để sinh sống, khi nào nhà nước có yêu cầu sử dụng vào mục đích công cộng thì ông tháo dỡ không bồi thường.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự trình bày:

- *Nguyên đơn – Đại diện theo ủy quyền trình bày:* Trước đây có xin phép xã cho cất nhà nhưng xã không cho phép. Yêu cầu chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Y có ý kiến: Đất thuộc hành lang ATGT nên không được cho phép cất nhà, nhưng do ông Y đã ở từ lâu nên đề nghị xem xét cho ông Y được tiếp tục sử dụng.

- *Bị đơn trình bày:* Yêu cầu không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T có ý kiến: Yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang nêu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và những người tham gia tố tụng trong vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án tại phiên tòa phúc thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án và ý kiến về hướng giải quyết vụ án: Bản án sơ thẩm xét xử là có căn cứ. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Y. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 296/2025/DS-ST, ngày 16/12/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 4, tỉnh An Giang.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ của nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Những người vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 296 Bộ luật TTDS tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định.

[2] *Về nội dung vụ án:* Ông Y yêu cầu giải quyết buộc anh Nguyễn Quốc T1 và ông Nguyễn Tấn T phải giao trả lại phần diện tích mặt nước chiều ngang 3,5m, dài 13,5m theo đo đạc thực tế thể hiện tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án ngày 23/10/2025 và buộc anh T1, ông T phải di dời trụ đá và công trình xây dựng nằm phía trên để trả lại hiện trạng ban đầu cho ông Y cất nhà ở. Khi nào Nhà nước cần sử dụng, thì sẽ giao trả lại cho Nhà nước.

[3] *Xét kháng cáo của ông Y, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:* ông Y yêu cầu được tiếp tục sử dụng phần đất có vị trí nằm trên kênh R - H, thuộc loại đất kênh, đất có mặt nước chuyên dùng, đồng thời nằm trong hành lang an toàn giao thông đường bộ, thuộc phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi và hành lang bảo vệ cầu T. Theo Điều 163 Luật Đất đai năm 2013, khoản 2 Điều 215 Luật Đất đai năm 2024, loại đất này thuộc Nhà nước quản lý, không thuộc đối tượng được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân. Mọi hành vi chiếm giữ, sử dụng, xây dựng công trình trên diện tích này đều phải tuân theo sự cho phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Mặc dù ông Y đã sinh sống, cất nhà sàn trên phần đất mặt nước này từ khoảng năm 1987 mang tính ổn định, công khai. Ông Y chỉ mong muốn được tiếp tục cất nhà ở tạm, khi Nhà nước có nhu cầu thì sẽ di dời, trả lại đất. Tuy nhiên, việc cất nhà ở trên đất kênh, hành lang an toàn giao thông không được pháp luật cho phép, nên xét việc ông Y yêu cầu xem xét cho ông được cất nhà tạm để ở là thuộc thẩm quyền của cơ quan quản lý đất đai tại địa phương. Do Tòa án không có thẩm quyền xem xét công nhận quyền sử dụng đất cho cá nhân, tổ chức nào đối với phần đất tranh chấp này. Vì vậy, xét kháng cáo của ông Y về việc yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét cho ông được cất nhà trên đất (mặt kênh) là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Từ những cơ sở nhận định nêu trên, xét thấy bản án dân sự sơ thẩm xét xử là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật. Thống nhất với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về việc không chấp nhận kháng cáo của ông Y. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 296/2025/DS-ST, ngày 16/12/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 4, tỉnh An Giang.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm:* Ông Y được miễn nộp tạm ứng án phí và án phí do thuộc trường hợp “người cao tuổi” theo điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Y.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 296/2025/DS-ST, ngày 16/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh An Giang.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Y về việc buộc ông Nguyễn Tấn T, anh Nguyễn Quốc T1 phải giao trả lại phần diện tích mặt nước chiều ngang 3,5m, dài 13,5m theo đo đạc thực tế thể hiện tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án ngày 23/10/2025 và buộc ông Nguyễn Tấn T, anh Nguyễn Quốc T1 phải di dời trụ đá và công trình xây dựng nằm phía trên để trả lại hiện trạng ban đầu cho ông Y cất nhà ở.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Ông Y được miễn nộp.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND khu vực 4;
- THADS tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Bích Vân